

- Ông Phạm Hải T, Trưởng phòng Giải phóng mặt bằng thuộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Chị Trần Thị Anh P, sinh năm 1981;
- 3.2. Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1987;
- 3.3. Chị Phạm Thị Diễm P1, sinh năm 1989;
- 3.4. Chị Phạm Thị Ái H, sinh năm 1991;
- 3.5. Anh Phạm Tiến Đ, sinh năm 1994;
- 3.6. Anh Trần Xuân T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20-12-2013, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 3892/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N.

Ngày 29-5-2013, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND và ngày 26/4/2014, ban hành Quyết định số 1535/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H.

Ngày 24-11-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 8323/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N.

Ngày 22-11-2016, ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông P và bà H đã giao nộp bản sao các văn bản: Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, Văn bản số 130/HĐBT ngày 20-5-2014 của Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T về việc trả lời đơn ông Nguyễn Tấn Sang (đại diện tập thể), Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; bản photo các văn bản: Quyết định thu hồi đất số 3892/QĐ-UBND ngày 20-12-2013 của Ủy ban nhân dân thành phố N, Biên bản tổng đạt thông báo đến từng hộ dân ngày 18-11-2016 và Thông báo áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án Quyết định thu hồi đất số 964/TB-UBND ngày 18-11-2016.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N và trình bày:

Căn cứ văn bản số 130/HĐBT ngày 20-5-2014 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T về việc trả lời đơn ông Nguyễn Tấn Sang, Hội đồng đã xác định kênh thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T có chiều

rộng đáy kênh từ 70m đến 75m, chiều rộng mặt đê 6,0m. Tổng cộng, đáy kênh và mặt đê rộng khoảng 81m. Thực tế, dự án đã làm đáy kênh có chiều rộng trên 94m nhưng vẫn chưa đến đất của gia đình ông, bà. Vì vậy, thửa đất của ông, bà nằm ngoài phạm vi dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N. Quyết định số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành là không đúng pháp luật. Ngoài ra, ông, bà không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông P và bà H đề nghị không đưa 06 người con của các ông, bà gồm Trần Thị Anh P, Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị Diễm P1, Phạm Thị Ái H, Phạm Tiến Đ, Trần Xuân T vào tham gia tố tụng vì đây là vụ án kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất do đất nằm ngoài phạm vi dự án, không phải là vụ án chia thừa kế hay chia tài sản chung. Sáu (06) người con của các ông, bà đã ký tên trong đơn trình bày, ông, bà đã giao nộp cho Tòa án đầy đủ.

Tại các văn bản gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện trình bày:

Căn cứ Quyết định số 1825/QĐ-UB ngày 27-10-2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N, Hồ sơ địa chính đối với khu đất thực hiện dự án, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00305 QSDĐ/VT-NT ngày 18-7-1997 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H, Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa ngày 06-10-2009, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất và Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 86/XN-UBND ngày 04-11-2013 của Ủy ban nhân dân xã V, diện tích 926,1m² đất tại thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa thuộc thửa đất số 757, tờ bản đồ địa chính số 4, xã V (tương ứng toàn bộ thửa đất số 20 - mảnh số 4, bản đồ Trích đo địa chính khu đất số 08/2010/TĐBĐ ngày 25-01-2010 do Xí nghiệp đo đạc bản đồ - chi nhánh Công ty Địa chính Khánh Hòa thiết lập và Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa xác nhận ngày 29-3-2010) do hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H sử dụng thuộc dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N phải thu hồi.

Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 20-12-2013 về việc thu hồi đất, Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 29-5-2013 và Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 26-4-2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H.

Ủy ban nhân dân thành phố N và các đoàn thể đã nhiều lần thông báo, vận động hộ ông P và bà H nhận tiền, nhận đất tái định cư và bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông P không có mặt để nhận đất, nhận tiền bồi thường và không bàn giao mặt bằng.

Ngày 24-11-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 8323/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N.

Việc thu hồi đất và ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Vì vậy, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 42/2017/HC-ST ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8323/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-10-2017, ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 42/2017/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H về yêu cầu hủy Quyết định 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện, những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng; các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H có 06 người con là Trần Thị Anh P, Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị Diễm Phú, Phạm Thị Ái H, Phạm Tiến Đ, Trần Xuân T và 01 cháu Trần Ngọc Thanh Tâm đều là thành viên của hộ gia đình nên TAND tỉnh Khánh Hòa xác định tư cách tham gia tố tụng là những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thụ lý để giải quyết là đúng quy định khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định:

Quyết định hành chính số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 do Chủ tịch UBND thành phố N ban hành về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H để thực hiện Dự án Hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 22; khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm d khoản 3

Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật đất đai 2013; Điều 17 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.2] Về nội dung Quyết định:

Dự án Hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T thành phố N đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt Dự án đầu tư kênh thoát lũ theo Quyết định số 1825/QĐ-UB ngày 27-10-2006 và các quyết định điều chỉnh khác. Ngày 27-5-2009, UBND thành phố N Thông báo số 187/2009/TB-UBND ngày 27-5-2009 về công bố, công khai chủ trương thu hồi đất để xây dựng Công trình hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T của thành phố N với mục đích thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ lợi ích công cộng.

Theo Bản đồ trích đo địa chính số 08/2010/TĐBĐ ngày 25-01-2010 do Xí nghiệp đo đạc bản đồ - Chi nhánh Công ty Địa chính Khánh Hòa thiết lập và được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Khánh Hòa xác nhận ngày 29-3-2010 thì diện tích 926,1m² đất tại thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa của hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H đang sử dụng thuộc thửa đất số 757, tờ bản đồ địa chính số 4, xã V tương ứng toàn bộ thửa đất số 20 - mảnh số 4 nằm trong Dự án (BL131,132). Do đó, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định thu hồi đất số 3892/QĐ-UBND ngày 20-12-2013 đối với hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H là đúng quy định tại Điều 38, Điều 39, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003. Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H kháng cáo cho rằng diện tích 926,1m² đất của ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H không nằm trong phạm vi giải tỏa nên yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố N là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với Văn bản số 130/HĐBT ngày 20-5-2014 của Hội đồng bồi thường Dự án là văn bản trả lời cho các hộ dân trong đó có hộ ông P, bà H có sự thiếu sót khi chỉ đề cập chiều rộng đáy dưới kênh thoát lũ từ 70m-75m mà không đề cập đáy trên của kênh thoát lũ là bao nhiêu mét dẫn tới ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H hiểu không chính xác. Đây là thiếu sót của UBND thành phố N cần rút kinh nghiệm.

[2.3] Sau khi thu hồi đất, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định 901/QĐ-UBND ngày 29-5-2013 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đối với hộ ông P và bà H với số tiền 426.987.000 đồng và 4.280.000 đồng theo Quyết định 1535/QĐ-UBND ngày 26-4-2014. Diện tích đất 926,1m² đất bị thu hồi của hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất và được nhận đất tái định cư. Ông P, bà H được giao 02 lô (lô 65 diện tích 166,28m², lô 17 diện tích 80m² tại khu tái định cư nằm sát khu Trung tâm Thành phố N. Đại diện chính quyền địa phương đã nhiều lần thông báo, vận động nhận tiền, nhận đất tái định cư nhưng hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H không phối hợp. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định hành chính số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật.

Từ những đánh giá, phân tích trên xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn P, bà Trần Thị H đề nghị hủy Quyết định 8323/QĐ-UBND ngày 24-11/2015 của Chủ tịch UBND thành phố N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Áp dụng các Điều 38, Điều 39, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003; Điều 63, Điều 69, Điều 71 Luật đất đai 2013; Điều 17, Điều 99 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 7 Điều 22; khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H đề ngày 04-10-2017.

Giữ nguyên quyết định của Bản án số 42/2017/HC-ST ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8323/QĐ-UBND ngày 24-11-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000367 ngày 19-10-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15-11-2018./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa ;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa ;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Bộ tư pháp;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu